ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1295/QĐ-UBND	*Kon Plông, ngày 29 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Thu hồi đất để thực hiện Dự án thuỷ điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 1 và đợt 2) - lần 1

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Ban hành quy định dân chủ trong công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi triển khai dự án đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Kon Plông;

Căn cứ Quyết định số 762/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc uỷ quyền cho Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định thu hồi đất đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ vào mục đích khác trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 97/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về Danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Thông báo số 154/TB-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án thủy điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 1);

Căn cứ Kế hoạch số 194/KH-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án thuỷ điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 1);

Căn cứ Thông báo số 25/TB-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án thủy điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 2);

Căn cứ Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để thực hiện Dự án thuỷ điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 2);

Căn cứ Công văn số 220-CV/BDVHU ngày 21 tháng 12 năm 2023 của Ban dân vận huyện uỷ Kon Plông về việc xác nhận việc thực hiện công khai dân chủ Phương án và dự toán bồi thường, hỗ trợ thu hồi đất giải phóng mặt bằng để thực hiện Dự án thuỷ điện Đăk Lô 3 (đợt 1 và đợt 2), địa điểm thực hiện dự án tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum;

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 348/TTr- BQL ngày 26 tháng 12 năm 2023; Đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện tại Tờ trình số 92 /TTr-TNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi một phần diện tích đất do Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tem, Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham và hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông để thực hiện Dự án thuỷ điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum (đợt 1 và đợt 2) - lần 1. Với các nội dung cụ thể như sau:

1. Vị trí thu hồi đất: Tại thôn Điek Chè và thôn Điek Lò, xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum *(có 11 Mảnh trích đo địa chính từ số 01 đến số 11 phục vụ công tác GPMB, bồi thường, thu hồi đất, để đầu tư xây dựng công trình thủy điện Đăk Lô 1-3 do Công ty Cổ phần kỹ thuật tài nguyên và môi trường TTG Kon Tum lập, Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 22 tháng 9 năm 2021 kèm theo).*

2. Diện tích đất thu hồi: 254.945,43 m^2 *(Hai trăm năm mươi bốn nghìn chín trăm bốn mươi lăm phẩy bốn mươi ba mét vuông)*. Trong đó:

- Đất do Ban Quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham quản lý là:108.441,70 m^2.

+ Đất rừng phòng hộ (RPH): 82.739,80 m^2.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): 25.701,90 m^2.

- Đất do Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tem quản lý là: 39.345,30 m^2.

+ Đất rừng phòng hộ (RPH): 32.770,80 m^2.

+ Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS): 1.059,5 m^2.

+ Đất giao thông (DGT): 324,5 m^2.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON): 5.190,50 m^2.

- Đất do các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng là: 107.158,43 m^2.

+ Đất trồng cây lâu năm (CLN): 43.445,43 m^2.

+ Đất trồng cây hàng năm khác (NHK): 63.713,0 m^2.

(Có Bảng tổng hợp kèm theo)

3. Lý do thu hồi đất: thực hiện Dự án Thủy điện Đăk Lô 3 tại xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện và Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tem có trách nhiệm giao quyết định này cho người có đất bị thu hồi đất; trường hợp người có đất bị thu hồi không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết quyết định này tại Uỷ ban nhân dân xã Ngọk Tem, Hội trường *(Nhà Văn hoá)* thôn nơi có đất bị thu hồi.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kon Plông, Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tem có trách nhiệm quản lý chặt chẽ quỹ đất đã thu hồi.

3. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Kon Plông phối hợp Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tem, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Kon Plông tham mưu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi (nếu có); cập chỉnh lý biến động hồ sơ địa chính đối với các thửa đất bị thu hồi.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Ngọk Tem, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- TT HĐND huyện (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Ban Dân vận Huyện ủy (b/c);
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Công ty TNHH thủy điện Đăk Lô 1-3;
- Người có đất bị thu hồi;
- Lưu VTLT, TNMT, LĐT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Quang Hà

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KON PLÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG CHI TIẾT DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI
Thực hiện dự án Thủy điện Đăk Lô 3 (đợt 1 và đợt 2) - lần 1
Địa điểm: Xã Ngọk Tem, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum

(Kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Kon Plông)

STT	Người sử dụng đất	Ký hiệu	Số tờ	Số thửa	Diện tích thu hồi đất	Loại đất	Địa chỉ người sử dụng đất	Ghi chú
1	UBND xã Ngọk Tem	RPH	1	1	19.333,80	Đất rừng phòng hộ	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
2	UBND xã Ngọk Tem	SON	1	2	382,30	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
3	BQL PH Thạch Nham	RPH	2	1	26.516,10	Đất rừng phòng hộ	Xã Hiếu, huyện Kon Plông	
4	BQL PH Thạch Nham	RPH	2	2	14.090,10	Đất rừng phòng hộ	Xã Hiếu, huyện Kon Plông	
5	BQL PH Thạch Nham	SON	2	3	25.701,90	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Xã Hiếu, huyện Kon Plông	
6	BQL PH Thạch Nham	RPH	2	4	17.311,50	Đất rừng phòng hộ	Xã Hiếu, huyện Kon Plông	
7	BQL PH Thạch Nham	RPH	3	1	24.822,10	Đất rừng phòng hộ	Xã Hiếu, huyện Kon Plông	
8	UBND xã Ngọk Tem	RPH	3	2	1.867,60	Đất rừng phòng hộ	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
9	UBND xã Ngọk Tem	RPH	4	1	11.569,40	Đất rừng phòng hộ	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
10	UBND xã Ngọk Tem	DCS	5	2	555,60	Đất đồi núi chưa sử dụng	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
11	Y Tuân - A Đin	NHK	5	4	1.978,70	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Tem, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 370362, số vào sổ CH 00227, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014
12	UBND xã Ngọk Tem·	SON	5	5	726,80	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
13	A Bông	NHK	5	9	264,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
14	A Mai (A Hoàng - Y Lút)	NHK	6	1	627,39	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Tem, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 370425, số vào sổ CH 00290, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014
15	A Điêm - Đinh Thị Minh	NHK	6	2	3.799,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Tem, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 370348, số vào sổ CH 00213, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014
16	A Thua (Thưa)	NHK	6	3	255,58	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Tem, xã Ngọk Tem	
17	UBND xã Ngọk Tem	SON	6	4	1.804,38	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
18	A Phim	NHK	6	11	522,70	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 359062, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014

19	Hà Bai - Y Nga	NHK	6	13	288,20	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 370229, số vào sổ CH 00094, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014
20	Y Kreng - Hà Íp	NHK	6	16	1.111,10	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 370444, số vào sổ CH 00309, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014
21	UBND xã Ngọk Tem	SON	6	17	1.376,30	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
22	Y Kreng - Hà Íp	NHK	6	18	1.748,00	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	GNQSDĐ số phát hành BX 370444, số vào sổ CH 00309, do UBND huyện cấp ngày 9/10/2014
23	A Rốc	NHK	6	20	3.176,70	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
24	A Dương	CLN	6	21	5.992,70	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
25	A Dương	NHK	6	23	537,70	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
26	Y Tin	NHK	7	1	1.739,94	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
27	UBND xã Ngọk Tem	DCS	7	2	503,88	Đất đồi núi chưa sử dụng	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
28	A Thiên	NHK	7	3	4.268,15	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
29	A Hâm	NHK	7	4	179,27	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
30	A Bông	NHK	7	5	1.606,84	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
31	Y Xuân	NHK	7	6	724,66	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
32	Đinh Văn Thanh	NHK	7	7	262,80	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
33	UBND xã Ngọk Tem	DGT	7	8	39,99	Đất giao thông	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
34	A Hộp - Y Xinh	NHK	7	10	608,40	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
35	A Bơi	CLN	7	13	3.841,84	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
36	A Bơi	CLN	7	14	709,10	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
37	A Bơi	NHK	7	15	3.816,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
38	A Sao	NHK	7	16	129,80	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
39	A Bơi	CLN	7	17	741,29	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
40	A Hai	NHK	7	18	98,90	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
41	A Bơi	NHK	7	19	434,71	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
42	A Hai	NHK	7	20	39,44	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
43	A Đơn	NHK	7	21	27,01	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
44	A Hai	NHK	7	22	1.953,53	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
45	UBND xã Ngọk Tem	SON	7	23	133,04	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
46	A Đơn	NHK	8	1	15,35	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
47	A Hai	NHK	8	2	125,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
48	A Hai	NHK	8	3	362,90	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	

49	UBND xã Ngọk Tem	DGT	8	4	206,00	Đất giao thông	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
50	A Ươ	NHK	8	5	2,76	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
51	A Ươ	NHK	8	6	1.097,60	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
52	A Tép - Y Ngã	NHK	8	7	622,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
53	A Xu - Y Chới	NHK	8	8	304,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Tem, xã Ngọk Tem	
54	Y Cung	NHK	8	9	829,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
55	A Xu - Y Chới	NHK	8	10	273,60	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Tem, xã Ngọk Tem	
56	A Dũng	NHK	8	11	198,00	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
57	UBND xã Ngọk Tem	SON	8	12	79,80	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
58	Y Xuân	NHK	8	13	430,96	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
59	A Quỳnh	NHK	8	14	220,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
60	A Quỳnh	NHK	8	15	154,92	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
61	A Đinh	NHK	8	19	424,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
62	A Qua	NHK	8	20	589,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
63	UBND xã Ngọk Tem	SON	8	21	161,10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
64	A Phun	CLN	8	23	620,20	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
65	A Hộp - Y Xinh	NHK	9	1	1.051,60	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
66	A Trung	NHK	9	2	1.321,40	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
67	A Dương	NHK	9	3	47,00	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
68	UBND xã Ngọk Tem	SON	9	4	79,00	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
69	A Đại	CLN	9	5	290,10	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
70	Y Cung	NHK	9	6	1.487,80	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
71	UBND xã Ngọk Tem	DGT	9	7	45,60	Đất giao thông	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
72	A Đại	CLN	9	8	450,10	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
73	A Đơn	NHK	9	9	387,30	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
74	A Lang	CLN	9	10	539,50	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
75	A Lý (Lí)	CLN	9	11	1.106,90	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
76	Đinh Quang Lan	CLN	9	13	1.059,00	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
77	A Lý (Lí)	NHK	9	14	1.069,70	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
78	A Đí	CLN	9	15	3.249,90	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
79	Đinh Văn Bé	NHK	9	16	2.046,20	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
80	A Hà	NHK	9	17	3.216,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
81	A Hà	CLN	9	18	462,00	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
82	UBND xã Ngọk Tem	SON	10	1	244,70	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
83	A Mua	NHK	10	2	498,40	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	

84	A Mua	NHK	10	3	611,90	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
85	A KĐép	NHK	10	4	960,90	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
86	A Mua	NHK	10	5	208,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
87	Đinh Văn Bé	NHK	10	6	64,60	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
88	A Xu - Y Chới	CLN	10	7	2.589,40	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Lò, xã Ngọk Tem	
89	A Hà	NHK	10	8	144,00	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
90	A Hà	CLN	10	9	3.141,50	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
91	UBND xã Ngọk Tem	DGT	10	11	32,90	Đất giao thông	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
92	A Hà	CLN	10	12	7.674,70	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
93	A Hà	CLN	10	13	228,90	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
94	A Dơi	NHK	10	14	2.091,90	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
95	Y Blâng	CLN	10	15	1.712,60	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
96	A Đi	NHK	10	16	782,20	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Not A, xã Ngọk Tem	
97	A Hương (A Hường)	NHK	10	17	947,20	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
98	A Đi	CLN	11	1	1.187,60	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Not A, xã Ngọk Tem	
99	UBND xã Ngọk Tem	SON	11	2	203,10	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	Thôn Điék Not , xã Ngọk Tem	
100	Y Ben	NHK	11	3	716,40	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
101	Đinh Xuân Xa	NHK	11	5	874,00	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
102	A Hà	CLN	11	6	229,30	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
103	Đinh Xuân Xa	NHK	11	7	482,40	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
104	A Vóc (A Vộc)	NHK	11	8	984,50	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè xã Ngọk Tem	
105	Đinh Xuân Xa	NHK	11	10	1.154,80	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
106	A Dơi	CLN	11	11	599,50	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
107	A Vóc (A Vộc)	CLN	11	12	4.837,20	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè xã Ngọk Tem	
108	A Oan	NHK	11	13	1.549,60	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
109	A Hương (A Hường)	NHK	11	14	5.162,80	Đất trồng cây hàng năm khác	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
110	A Hà	CLN	11	15	2.182,10	Đất trồng cây lâu năm	Thôn Điék Chè, xã Ngọk Tem	
Tổng					**254.945,43**			